



Ký bởi: KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ I
Email: cucqldbl@drvn.gov.vn
Cơ quan: CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM,
BỘ XÂY DỰNG

CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1134 /QĐ-KQLĐBI

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km348+866 - Km349+800 (T+P), Km349+800 - Km350+500 (P), Km350+500 - Km351+200 (T+P), Km351+900 - Km352+600 (T+P), Km352+600 - Km352+750 (T+P), Km352+750 - Km353+000 (P), Km353+000 - Km353+500 (T+P), Km353+500 - Km355+200 (P), Km355+200 - Km356+800 (T+P), Km356+800 - Km358+100 (T+P), Km358+100 - Km358+600 (P), Km358+600 - Km359+200 (T+P), Km359+200 - Km359+900 (T), Km359+900 - Km360+000 (T+P), Km360+000 - Km360+600 (P), Km361+300 - Km361+540 (T+P), Km361+540 - Km362+00 (T+P), Km362+00 - Km365+390 (T), Km366+210 - Km366+300 (P+T), Km366+300 - Km367+300 (P), Km367+300 - Km367+400 (P+T), Km367+400 - Km368+400 (P); Xử lý điểm mất ATGT tại Km363+300; Bổ sung, sửa chữa rãnh thoát nước: Km349+350 - Km350+300 (P), Km348+950 - Km349+650 (T), Km359+930 - Km360+524 (P), Km362+800 - Km363+010(T), Km363+387 - Km363+680 (T), Quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa

GIÁM ĐỐC KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ I

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-BGTVT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khu Quản lý đường bộ I trực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 4829/CĐBVN-QLBT ngày 22/9/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì hệ thống quốc lộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-CĐBVN ngày 31/10/2025 của Cục Đường bộ

Việt Nam về việc phê duyệt dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km348+866 - Km349+800 (T+P), Km349+800 - Km350+500 (P), Km350+500 - Km351+200 (T+P), Km351+900 - Km352+600 (T+P), Km352+600 - Km352+750 (T+P), Km352+750 - Km353+000 (P), Km353+000 - Km353+500 (T+P), Km353+500 - Km355+200 (P), Km355+200 - Km356+800 (T+P), Km356+800 - Km358+100 (T+P), Km358+100 - Km358+600 (P), Km358+600 - Km359+200 (T+P), Km359+200 - Km359+900 (T), Km359+900 - Km360+000 (T+P), Km360+000 - Km360+600 (P), Km361+300 - Km361+540 (T+P), Km361+540 - Km362+00 (T+P), Km362+00 - Km365+390 (T), Km366+210 - Km366+300 (P+T), Km366+300 - Km367+300 (P), Km367+300 - Km367+400 (P+T), Km367+400 - Km368+400 (P); Xử lý điểm mất ATGT tại Km363+300; Bổ sung, sửa chữa rãnh thoát nước: Km349+350 - Km350+300 (P), Km348+950 - Km349+650 (T), Km359+930 - Km360+524 (P), Km362+800 - Km363+010(T), Km363+387 - Km363+680 (T), Quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính tại Tờ trình số 17/TTr-KHTC ngày 14/11/2025 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km348+866 - Km349+800 (T+P), Km349+800 - Km350+500 (P), Km350+500 - Km351+200 (T+P), Km351+900 - Km352+600 (T+P), Km352+600 - Km352+750 (T+P), Km352+750 - Km353+000 (P), Km353+000 - Km353+500 (T+P), Km353+500 - Km355+200 (P), Km355+200 - Km356+800 (T+P), Km356+800 - Km358+100 (T+P), Km358+100 - Km358+600 (P), Km358+600 - Km359+200 (T+P), Km359+200 - Km359+900 (T), Km359+900 - Km360+000 (T+P), Km360+000 - Km360+600 (P), Km361+300 - Km361+540 (T+P), Km361+540 - Km362+00 (T+P), Km362+00 - Km365+390 (T), Km366+210 - Km366+300 (P+T), Km366+300 - Km367+300 (P), Km367+300 - Km367+400 (P+T), Km367+400 - Km368+400 (P); Xử lý điểm mất ATGT tại Km363+300; Bổ sung, sửa chữa rãnh thoát nước: Km349+350 - Km350+300 (P), Km348+950 - Km349+650 (T), Km359+930 - Km360+524 (P), Km362+800 - Km363+010(T), Km363+387 - Km363+680 (T), Quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km348+866 - Km349+800 (T+P), Km349+800 - Km350+500 (P), Km350+500 - Km351+200 (T+P), Km351+900 - Km352+600 (T+P), Km352+600 - Km352+750 (T+P), Km352+750 - Km353+000 (P), Km353+000 - Km353+500 (T+P), Km353+500 - Km355+200 (P), Km355+200 - Km356+800 (T+P), Km356+800 - Km358+100 (T+P), Km358+100 - Km358+600 (P), Km358+600 - Km359+200 (T+P), Km359+200 - Km359+900 (T), Km359+900 - Km360+000 (T+P), Km360+000 - Km360+600 (P), Km361+300 - Km361+540 (T+P), Km361+540 - Km362+00 (T+P), Km362+00 - Km365+390 (T),

Km366+210 - Km366+300 (P+T), Km366+300 - Km367+300 (P), Km367+300 - Km367+400 (P+T), Km367+400 - Km368+400 (P); Xử lý điểm mất ATGT tại Km363+300; Bổ sung, sửa chữa rãnh thoát nước: Km349+350 - Km350+300 (P), Km348+950 - Km349+650 (T), Km359+930 - Km360+524 (P), Km362+800 - Km363+010(T), Km363+387 - Km363+680 (T), Quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các phòng chức năng của Khu QLDB I và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐBVN (để báo cáo);
- PGĐ Bùi Xuân Trường;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Đinh Trung Thành



PHỤ LỤC: BỔ SUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km348+866 - Km349+800 (T+P), Km349+800 - Km350+500 (P), Km350+500 - Km351+200 (T+P), Km351+900 - Km352+600 (T+P), Km352+600 - Km352+750 (T+P), Km352+750 - Km353+000 (P), Km353+000 - Km353+500 (T+P), Km353+500 - Km355+200 (P), Km355+200 - Km356+800 (T+P), Km356+800 - Km358+100 (T+P), Km358+100 - Km358+600 (P), Km358+600 - Km359+200 (T+P), Km359+200 - Km359+900 (T), Km359+900 - Km360+000 (T+P), Km360+000 - Km360+600 (P), Km361+300 - Km361+540 (T+P), Km361+540 - Km362+00 (T+P), Km362+00 - Km365+390 (T), Km366+210 - Km366+300 (P+T), Km366+300 - Km367+300 (P), Km367+300 - Km367+400 (P+T), Km367+400 - Km368+400 (P); Xử lý điểm mất ATGT tại Km363+300; Bổ sung, sửa chữa rãnh thoát nước: Km349+350 - Km350+300 (P), Km348+950 - Km349+650 (T), Km359+930 - Km360+524 (P), Km362+800 - Km363+010(T), Km363+387 - Km363+680 (T), Quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 1134 /QĐ-KQLDBI ngày 17 /11/2025 của Khu QLDB I)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Khu Quản lý đường bộ I	Gói thầu số 3: Tư vấn Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Thi công xây dựng	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Thi công xây dựng	120,000	Ngân sách Nhà nước (Nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ)	Chỉ định thầu rút gọn		15 ngày	Trong Quý IV/2025	Trọn gói	60 ngày	Không áp dụng
2		Gói thầu số 4: Tư vấn Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng	Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng	6,398		Chỉ định thầu rút gọn		15 ngày	Trong Quý IV/2025	Trọn gói	60 ngày	

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
3	Khu Quản lý đường bộ I	Gói thầu số 5: Thi công xây dựng	Thi công xây dựng công trình	80.640,331 Trong đó: + CPXD: 76.635,568 + ĐBG: 164,747 + DP: 3.840,016	Ngân sách Nhà nước (Nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ)	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Trong Quý IV/2025	Đơn giá cố định	180 ngày	Không áp dụng
4		Gói thầu số 6: Tư vấn giám sát thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng công trình	1.599,384		Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	60 ngày	Trong Quý IV/2025	Trộn gói	Theo tiến độ của Gói thầu số 5 (180 ngày)	
5		Gói thầu số 7: Kiểm toán công trình	Kiểm toán công trình theo các quy định hiện hành	347,084		Chỉ định thầu rút gọn		15 ngày	Sau khi thi công xong	Trộn gói	30 ngày	
Tổng giá gói thầu				82.713,197								

* Lưu ý: Giá gói thầu được phê duyệt trên cơ sở các khoản mục chi phí trong TMĐT được duyệt tại Quyết định số 1537/QĐ-CĐBVN ngày 31/10/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam. Việc ký kết hợp đồng gói thầu Thi công xây dựng được triển khai sau khi có dự toán chi.